

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 21/02/2020

Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và bà Trần Thị Lệ Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:**
Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2019/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị D - sinh năm 1983; có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại: Khố 12, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Y (Phạm Ngọc Y) – sinh năm 1981; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh Y có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Văn Y sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 04 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh Y tại xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình và vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh Y có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác và vợ chồng nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm, chị đã góp ý anh Y nhiều lần nhưng anh Y không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh Y không quan tâm

mà còn thường xuyên ruồng rẫy vợ con. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu được nên năm 2009 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng chị đã sống ly thân nhau 10 năm nay, anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn Y.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Y có hai con chung cháu Phạm Ngọc Anh sinh ngày 28 tháng 03 năm 2005 và cháu Phạm Kim N sinh ngày 24 tháng 9 năm 2007. Hiện các cháu đang ở cùng với chị D. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai cháu Phạm Ngọc A và Phạm Kim N cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh Y có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các cháu là 1.000.000đ/cháu/ tháng. Kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Y không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn anh Phạm Văn Y trình bày: Anh và chị Lâm Thị D kết hôn hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 4 năm 2005 tại UBND xã C, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng về xóm 5, xã C làm ăn sinh sống và vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm, trong cuộc sống không tôn trọng nhau. Mặt khác vợ chồng luôn bất đồng về vấn đề làm ăn kinh tế. Chị D thì nặng nợ với gia đình bên ngoại, không có trách nhiệm và chăm lo cho gia đình anh em bên nội. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và không có biện pháp nào khắc phục. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị D đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị D ở B làm ăn sinh sống từ năm 2009 cho đến nay. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau 10 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị D có đơn xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 28/03/2005 và cháu Phạm Kim N, sinh ngày 24/09/2007. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị D. Bản thân anh cũng có nguyện vọng nuôi hai cháu A và N anh Y không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng. Tuy nhiên anh đề nghị Tòa án tham khảo ý kiến nguyện vọng của cháu. Nếu các cháu muốn ở với chị D thì anh không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không có điều kiện cấp dưỡng đối với các cháu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị D không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai của các cháu Phạm Ngọc A và cháu Phạm Kim N nguyện vọng muốn ở với chị D để ổn định việc học tập và sinh hoạt của các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lâm Thị D ly hôn anh Phạm Văn Y

- Về con chung: Giao hai cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 28/03/2005 và cháu Phạm Kim N, sinh ngày 24/09/2007 cho chị Lâm Thị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Y có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Án phí: Chị Lâm Thị D nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Văn Y phải nộp án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lâm Thị D có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn Y có nơi cư trú tại: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn Y, anh Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị D và anh Phạm Văn Y có Đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 04 năm 2005 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị D và anh Phạm Văn Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Y tại Xóm 5, xã C, quá trình chung sống do vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm và không tôn trọng nhau nên đã phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân nhau 10 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cả hai anh chị đề xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng không có khả năng về đoàn tụ. Chị D có đơn xin ly hôn anh Y cũng nhất trí ly hôn.

Mặt khác căn cứ vào biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C xác định chị Lâm Thị D và anh Phạm Văn Y kết hôn hợp pháp năm 2005 tại xã C, sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại xã C và sau thời gian anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hai, ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, theo dư luận quần chúng anh chị mâu thuẫn do anh chị không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Năm 2009 – 2010 chị D đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn B làm ăn và sinh sống, anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Nay anh chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị D và anh Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị D và anh Y có hai con chung cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 28/03/2005 và cháu Phạm Kim N, sinh ngày 24/09/2007 hiện các cháu đang ở cùng với mẹ, chị D có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, bản thân anh Y cũng có nguyện vọng nuôi cả hai cháu Ngọc A và Kim N nhưng cũng tôn trọng nguyện vọng của các cháu về việc ở với bố hay ở với mẹ khi hai anh chị ly hôn. Qua nghe nguyện vọng các cháu Ngọc A và Kim N cả hai đều muốn ở với mẹ để ổn định việc học tập và sinh hoạt của các cháu. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các con căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần giao cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 28/03/2005 và cháu Phạm Kim N, sinh ngày 24/09/2007 cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng đối với các con chị Dung yêu cầu anh Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các cháu Ngọc A và Kim N mỗi cháu là 1.000.000đ/ tháng. Việc chị D yêu cầu anh Y có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con sau khi ly hôn. Căn cứ vào Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng cũng như mức cấp dưỡng mà chị D đề nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lâm Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Phạm Văn Y nộp 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị D và anh Phạm Văn Y(Phạm Ngọc Y) được ly hôn

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 28/03/2005 và cháu Phạm Kim N, sinh ngày 24/09/2007 cho chị Lâm Thị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Y có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng đối với cháu Phạm Ngọc A là 1.000.000đ/ tháng và cháu Phạm Kim N là 1.000.000đ/ tháng. Kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống, anh Y có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 375 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí: Chị Lâm Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003196 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh Phạm Văn Y phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã Cồn Thoi, huyện K;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh